

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 29 - 01 - 2019

V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Nhật. Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: Xã S, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Sen. Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: Thị trấn P, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Ánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 29 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Cụ Hoàng Văn S, sinh năm 1929; có mặt.

Địa chỉ: Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1962; địa chỉ: Cụm 3, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cụ Hoàng Văn S là bà Nguyễn Thị Kim D, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1956; có mặt.

Địa chỉ: Xóm V, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1950; có mặt.

Địa chỉ: Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

+ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1952; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Cụm 8, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

+ Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1958; vắng mặt.

Địa chỉ: Hẻm 61/10 V, Phường Trần Hưng Đ, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Hoàng Thị T: Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1962; địa chỉ: Cụm 3, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1960; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 201 đường P, cụm 10, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

+ Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1962; có mặt.

Địa chỉ: Cụm 3, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

+ Ông Hoàng Quốc S, sinh năm 1967; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: C36 TT9 Khu đô thị V, phường V, Quận H, Thành phố Hà Nội.

+ Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1970; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Cụm 11, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

+ Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1972; có mặt.

Hộ khẩu thường trú: Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Phòng số 6, tầng 2 khu tầng 3, tập thể D số 17 ngõ 5 đường B, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

+ Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Số 105 phố T, thị trấn P, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn H, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Số 23, cụm 4, thôn Đ, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trần Q, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn cụ Hoàng Văn S trình bày: Vợ cụ là cụ Trần Thị H, sinh năm 1929 và đã chết năm 2016. Vợ chồng cụ sinh được 09 người con là: bà Hoàng Thị H, Bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn T, Bà Hoàng Thị T, Bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị S, Ông Hoàng Quốc S, Bà Hoàng Thị S và Ông Hoàng Văn C.

Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 05 diện tích 750m² đất thổ cư (nay là thửa 76 VLAP 268, 563, 564 tờ bản đồ số 05 VLAP 14) tại địa chỉ Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội hiện cụ đang quản lý nguồn gốc là của bố mẹ cụ là cụ Hoàng Văn L (tức Đ) mất năm 1950 và cụ Đào Thị T (mất năm 1947) cho vợ chồng cụ. Ngày 20/12/1987 thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất đứng tên cụ là Hoàng Văn S. Trên đất có ngôi nhà cấp 4 gồm 3 gian nhà chính và 1 gian buồng, mái lợp ngói, trần hiên vợ chồng cụ xây năm 1995. Đến năm 2015 Ông Hoàng Văn C có lát nền gạch, cải tạo sửa chữa ngôi nhà trên. Do tuổi đã cao, cụ muốn hợp gia đình để phân chia tài sản cho các con nhưng một số con không đồng ý. Vào tháng 5/2013 vợ chồng cụ có làm di chúc phân chia tài sản cho các con, có chứng thực của UBND xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, sau đó vợ chồng cụ có làm di chúc khác thay thế di chúc tháng 5/2013, có chứng thực của UBND xã T, cả hai di chúc cụ đều photo cho mỗi con một bản. Tuy nhiên, gia đình có nhiều mâu thuẫn, không hòa thuận nên vợ chồng cụ đã tuyên bố bãi bỏ cả hai bản di chúc.

Nay cụ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế diện tích đất của cụ Trần Thị H để lại trong khối tài sản chung là: Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 05 diện tích 750m², hiện cụ đang quản lý tại địa chỉ Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Cụ nhận nửa phần đất có ngôi nhà cấp 4, công trình phụ, sân gạch, bể nước, cây cối trên đất. Phần đất còn lại là di sản của cụ H để lại, cụ yêu cầu chia làm 10 phần, gồm: 01 phần của cụ và 09 phần của 09 người con. Cụ đề nghị chia bằng hiện vật và hưởng phần đất thừa kế giáp đất của ngôi nhà cấp 4, sau đó đến đất chia cho con trai Hoàng Văn Ch, rồi lần lượt đến đất chia cho các con Hoàng Thị H, Hoàng Thị T, Hoàng Thị T, Hoàng Thị X, Hoàng Thị S, Hoàng Thị H, Hoàng Văn T, Hoàng Quốc S. Cụ đề nghị mở cổng đi rộng 3m theo cạnh đất phía Tây giáp đất nhà ông Trần Văn C và ông Trần Văn T tính từ mép cổng của gia đình hiện nay chạy dọc đến giáp phần đất của cụ được hưởng di sản của cụ H. Do phần đất cụ được hưởng nằm ở vị trí trong cùng nên cụ không bỏ 3m làm lối đi chung. Phần đất các con hưởng có tài sản, cây cối phát sinh cụ không yêu cầu các con thanh toán. Cụ sẽ thanh toán cho Ông Hoàng Văn C công sức ông C lát gạch, sửa chữa ngôi nhà nếu có yêu cầu.

- *Bị đơn ông Hoàng Văn T trình bày:* Về huyết thống gia đình, cụ Hoàng Văn S trình bày là đúng, ông không bổ sung gì thêm.

Về di sản: Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 05 diện tích 750m² đất thổ cư (nay là thửa 76 VLAP 268, 563, 564 tờ bản đồ số 05 VLAP 14) tại địa chỉ Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội hiện cụ Hoàng Văn S đang quản lý nguồn gốc là của bố mẹ cụ S cho vợ chồng cụ S và cụ Hót. Diện tích đất trên đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất đứng tên cụ Hoàng Văn S. Trên đất có ngôi nhà cấp 4 gồm 3 gian chính và 1 gian buồng, mái lợp ngói, trần hiên do vợ chồng cụ S xây dựng năm 1995. Trước đây bố mẹ ông là cụ S, cụ H có làm di chúc phân chia tài sản cho các con, nhưng gia đình mâu thuẫn nên các di chúc đều bãi bỏ, không có giá trị.

Nay cụ Hoàng Văn S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế diện tích đất của cụ Trần Thị H để lại trong khối tài sản chung là: Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 05 diện tích 750m² hiện cụ S đang quản lý tại địa chỉ Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, ông nhất trí.

Trong khối tài sản chung của cụ S và cụ H, phần đất của cụ S có ngôi nhà cấp 4, bếp, công trình phụ, sân gạch, bể nước, cây cối trên đất. Phần đất còn lại là di sản của cụ H để lại ông yêu cầu chia làm 10 phần, gồm: 01 phần của cụ S và 09 phần của 09 người con. Cụ S hưởng phần đất trong cùng giáp với phần đất của cụ có ngôi nhà cấp 4, sau đó đến Ông Hoàng Văn C, rồi đến phần đất chia cho ông, Ông Hoàng Quốc S, Bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị H, Bà Hoàng Thị T, Bà Hoàng Thị T, Hoàng Thị bà X, Bà Hoàng Thị S. Ông đề nghị mở cổng đi rộng 1,5m theo cạnh đất phía Tây giáp đất ông Trần Văn C và ông Trần Văn T tính từ mép cổng của gia đình hiện nay chạy dọc đến giáp phần đất của cụ S được hưởng di sản của cụ H. Cụ S phải chịu $\frac{1}{2}$ diện tích lối cổng đi tính từ ngoài vào đến phần đất cụ được hưởng di sản của cụ H, $\frac{1}{2}$ diện tích lối cổng tính ra bao nhiêu mét vuông thì trừ vào diện tích đất của cụ S được hưởng, phần đất đó chia đều cho 9 người con cụ S. Trên phần đất ông được hưởng có tài sản công trình hoặc cây cối, ông sẽ có trách nhiệm thanh toán trả người có công xây dựng, cải tạo. Về việc ngôi nhà được sửa chữa tôn tạo lại như thế nào ông không biết, vì ông sống ở nơi khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H, Bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị S, Bà Hoàng Thị S và Ông Hoàng Văn C trình bày:* Về huyết thống gia đình, cụ Hoàng Văn S trình bày là đúng, các ông bà không bổ sung gì thêm.

Về di sản: Cụ Hoàng Văn S trình bày là đúng. Nguồn gốc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 05 diện tích 750m² tại địa chỉ Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội là của bố mẹ cụ Hoàng Văn S để lại cho cụ S và cụ Trần Thị H. Cụ H đã chết năm 2016, hiện nay cụ S đang quản lý thửa đất trên. Nay cụ S yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ H để lại trong khối tài sản chung là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 05 diện tích 750m² thì bà H, bà T, bà X, bà S, ông C đồng ý theo ý kiến của cụ S. Các ông bà đề nghị chia bằng hiện vật và cho cụ S phần thừa kế các ông, bà được hưởng của cụ H.

- *Bà Hoàng Thị H trình bày:* Về huyết thống gia đình và về di sản cụ Hoàng Văn S là bố của bà đã trình bày là đúng, bà không bổ sung thêm. Khi mẹ bà là cụ Trần Thị H còn sống, bố mẹ bà có làm di chúc phân chia tài sản cho các con, nhưng gia đình mâu thuẫn nên các di chúc đều bãi bỏ, không có giá trị. Năm 2016 mẹ bà mất, cụ S quản lý tài sản chung đến nay. Nay cụ S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế diện tích đất của H để lại trong khối tài sản chung ở tại cụm 9, xã T, trên đất có ngôi nhà cấp 4, bếp, công trình phụ, sân gạch, bể nước, cây lâu năm thì bà đồng ý. Bà yêu cầu chia di sản cụ H để lại làm 09 phần, mở cổng đi rộng 1,5m giữa các phần đất được hưởng. Phần thừa kế bà được hưởng của cụ H, bà cho ông T.

- *Ông Hoàng Quốc S trình bày:* Về huyết thống gia đình, về di sản và nguồn gốc di sản như cụ Hoàng Văn S trình bày là đúng, ông không bổ sung thêm. Cụ S khởi kiện chia thừa kế diện tích đất của cụ Trần Thị H để lại trong khối tài sản chung là: Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 05 diện tích 750m² tại cụm 9, xã T, huyện Đ, trên đất có ngôi nhà cấp 4, bếp, công trình phụ, cây cối, ông đồng ý. Ông yêu cầu chia di sản của cụ H để lại làm 10 phần, gồm: 01 phần của cụ và 09 phần của 09 người con. Ông đề nghị hưởng thừa kế bằng hiện vật, cụ S hưởng phần đất trong cùng giáp phần đất của cụ có ngôi nhà cấp 4, sau đó đến ông C, sau đó đến phần đất của ông, ông T, bà H, bà H, bà T, bà T, bà X và bà

S. Phần đất ông được hưởng, ông đề nghị chia riêng mà không nhập chung vào phần của người khác. Mở cổng đi rộng 1,5m theo cạnh đất phía Tây giáp đất ông Trần Văn C và ông Trần Văn T tính từ mép cổng của gia đình hiện nay chạy dọc đến giáp phần đất của cụ S được hưởng di sản của cụ H. Cụ S chịu $\frac{1}{2}$ diện tích lối cổng đi, trừ vào diện tích đất của cụ S được hưởng. Trên phần đất ông được hưởng có tài sản hoặc cây cối, ông sẽ có trách nhiệm thanh toán trả người có công xây dựng, cải tạo.

- Bà Hoàng Thị T đã có văn bản ủy quyền cho bà Hoàng Thị S giải quyết vụ án. Bà T có bản tự khai gửi Tòa án, bà đồng ý về huyết thống và di sản của cụ Trần Thị H để lại như cụ Hoàng Văn S trình bày. Cụ S yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ H để lại trong khối tài sản chung là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 05 diện tích 750m² tại cụm 9, xã T, huyện Đ và tài sản trên đất, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cụ S, chia di sản của cụ H để lại làm 10 phần, để lại một phần đất rộng 03m làm cổng đi chung giữa các phần đất được phân chia.

- Đại diện Ủy ban nhân dân xã T trình bày: Thửa đất cụ Hoàng Văn S đang quản lý có diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 750m² đất thổ cư, sau này đo đạc theo dự án VLAP diện tích là 794,8m² đất (tăng 44,8m² đất so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ủy ban nhân dân xã đã cùng Phòng tài nguyên và môi trường Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định về diện tích tăng 44,8 m² của gia đình cụ Hoàng Văn S là đất nông nghiệp gia đình được giao trước đây. Ủy ban nhân dân xã T xác định diện tích đất thổ cư của gia đình cụ S là 750 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp năm 1987. Ủy ban nhân dân xã xin được vắng mặt trong các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án.

- Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Đ Ông Bùi Văn H trình bày: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 825 GCN/RĐ ngày 20/12/1987 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội thì thửa đất số 76, tờ bản đồ số 05 xứ đồng Trung Dương, xã T, huyện Đ có diện tích 750m² đứng tên cụ Hoàng Văn S. Theo Thông báo số 62/TB-UBND ngày 21/11/2016 của UBND xã T thì hiện trạng đất của gia đình cụ S tăng 44,8m² đất là không đúng, vì diện tích đất tăng nêu trên thuộc đất nông nghiệp của gia đình cụ S, không phải là đất thổ cư. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện Đ không công nhận và không đồng ý chuyển mục đích sử dụng 44,8 m² đất trên của gia đình cụ thành đất thổ cư (đất ở). Diện tích đất tăng là đất nông nghiệp của gia đình hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa: Cụ Hoàng Văn S và người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cụ S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản của cụ Trần Thị H để lại trong khối tài sản chung là: Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 05 diện tích 750 m² tại cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội hiện cụ S đang quản lý, theo qui định của pháp luật. Về việc phân chia cụ thể thì theo yêu cầu của cụ S đã trình bày.

Ông Hoàng Văn T đồng ý chia thừa kế di sản cụ Trần Thị H để lại là diện tích đất, tài sản trong khối tài sản chung với cụ Hoàng Văn S. Ông giữ nguyên yêu cầu về cách chia như đã trình bày. Về phần bà H được hưởng thừa kế của cụ Hót, bà H cho ông thì

ông nhất trí.

Bà X, bà H và ông C tại phiên tòa đồng ý với ý kiến của cụ S về việc chia thừa kế tài sản của cụ H để lại trong khối tài sản chung với cụ S. Các ông, bà trên đề nghị phân di sản thừa kế của bà X, bà T, bà H, bà S, bà T, ông C được hưởng đều cho cụ S. Bà S và bà T vắng mặt nhưng cũng có ý kiến cho cụ S phân tài sản thừa kế các bà được hưởng. Về phần giá trị sửa chữa, lát nền gạch nhà 4 gian thì ông C không yêu cầu thanh toán mà cho cụ S. Bà Hoàng Thị H, Ông Hoàng Quốc S vắng mặt, nhưng bà H, ông S đều có yêu cầu chia thừa kế của cụ Hót bằng hiện vật, phần thừa kế bà H được hưởng bà cho ông T.

Ngoài ra, tại phiên tòa các đương sự chỉ yêu cầu chia tài sản và diện tích đất ở theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đứng tên cụ S là 750m²; phần diện tích đất 44,8m² Ủy ban nhân dân huyện xác định là đất nông nghiệp nên các bên không yêu cầu giải quyết trong vụ án, mà tách riêng nếu có yêu cầu thì giải quyết sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như trong quá trình điều tra và thu thập chứng cứ vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng và qui định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 609, 612, 613, 649, 650 và 651 Bộ luật dân sự; Điều 167, 203 Luật đất đai; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của cụ Hoàng Văn S.

Xác định phần di sản của cụ Trần Thị H (chết năm 2016) để lại trong khối tài sản chung do cụ S đang quản lý tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 5 là 750m²: 2 = 375m² và ½ ngôi nhà cấp 4 cùng các tài sản trên đất. Sau khi bớt một phần đất làm ngõ đi chung, chia diện tích đất còn lại làm 10 kỷ phần cho những người thừa kế gồm cụ S, ông T, bà H, bà H, bà T, bà T, bà X, bà S, ông S và ông C, mỗi người được hưởng một kỷ phần bằng hiện vật. Chấp nhận sự tự nguyện của bà X, bà H, ông C, giao phần thừa kế được hưởng cho cụ S. Về án phí các đương sự phải chịu tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là cụ Hoàng Văn S có đơn khởi kiện đối với ông Hoàng Văn T về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị H chết năm 2016, để lại trong khối tài sản chung là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 05 diện tích 750m² tại Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, xác định đây là quan hệ pháp luật dân sự tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành

phố Hà Nội, theo qui định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, cụ Hoàng Văn S, Bà Hoàng Thị T đã có văn bản ủy quyền cho bà Hoàng Thị S tham gia tố tụng trong vụ án. Bà Hoàng Thị H, Bà Hoàng Thị T, Bà Hoàng Thị S và Ông Hoàng Quốc S đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Xác định vợ chồng cụ Hoàng Văn S và cụ Trần Thị H có 09 người con gồm: Bà Hoàng Thị H, Bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn T, Bà Hoàng Thị T, Bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị S, Ông Hoàng Quốc S, Bà Hoàng Thị S và Ông Hoàng Văn C. Cụ S và cụ Hót có khối tài sản là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 05 diện tích 750m² đất thổ cư (theo bản đồ đo đạc VLAP là thửa 76 VLAP 268, 563, 564 tờ bản đồ số 05 VLAP 14) tại Cụm 9, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội nguồn gốc thửa đất trên là của bố mẹ cụ Hoàng Văn S mất đi và để lại cho cụ S và cụ H. Ngày 20/12/1987 thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất đứng tên cụ Hoàng Văn S. Trên đất có tài sản là ngôi nhà cấp 4 gồm 3 gian chính và 1 gian buồng, mái lợp ngói, trần hiên do cụ S và cụ H xây dựng năm 1995. Đến năm 2015, Ông Hoàng Văn C lát gạch nền nhà, cải tạo sửa chữa ngôi nhà cấp 4. Ngoài ra, trên thửa đất còn có nhà bếp, sân gạch, tường bao, tường hoa, công trình phụ khác và cây cối do cụ S và cụ Hót trồng trên đất.

Năm 2016, cụ Trần Thị H chết. Từ đó, đất nhà và các tài sản trên thửa đất do cụ Hoàng Văn S quản lý. Nay cụ Hoàng Văn S có yêu cầu chia thừa kế phần tài sản của cụ Trần Thị H để lại trong khối tài sản chung cùng với cụ S, để chia cho cụ S và các con là có căn cứ, phù hợp với các qui định của pháp luật nên chấp nhận.

Xác định thời điểm mở thừa kế là năm 2016, khi cụ Trần Thị H chết. Theo trình bày của các đương sự thì vào thời điểm trước đó, vợ chồng cụ S, cụ Hót đã hai lần làm di chúc phân chia tài sản cho các con, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, do gia đình có nhiều mâu thuẫn, không hòa thuận nên vợ chồng cụ S, cụ Hót đã tuyên bố bãi bỏ cả hai bản di chúc. Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận nội dung nêu trên. Vì vậy, phần tài sản của cụ H để lại sau khi chết nằm trong khối tài sản chung với cụ S cần được xác định để chia thừa kế theo qui định của pháp luật.

Theo các tài liệu điều tra thì có căn cứ xác định tài sản chung của cụ S và cụ H là diện tích đất thổ cư (đất ở) 750m². Theo bản đồ đo theo chương trình VLAP năm 2014 của xã T, huyện Đ thì khuôn viên thửa đất thực tế hiện gia đình cụ S đang sử dụng là 794.8m², so với diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp đứng tên cụ Hoàng Văn S năm 1987 là 44,8m². Về sự chênh lệch diện tích đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định là do trước đây gia đình cụ S có diện tích đất nông nghiệp 5% được giao khoảng năm 1960, liền kề với thửa đất thổ cư 750m² nêu trên. Năm 2005, gia đình cụ S đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn C diện tích đất nông nghiệp là 250m². Phần diện tích 44.8m² Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định là đất nông

nghiệp của gia đình cụ S, không phải đất thổ cư (đất ở). Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã cùng Ủy ban nhân dân xã T, Phòng tài nguyên và môi trường Ủy ban nhân dân huyện Đ đã tiến hành xác định rõ diện tích đất thổ cư cụ S được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp năm 1987, với diện tích đất nông nghiệp là 44.8m² và đã được thể hiện rõ bằng sơ đồ xác định cụ thể.

Theo biên bản định giá tài sản thì giá trị đất được xác định thực tế là 750m² x 2.000.000 đồng/m² = 1.500.000.000 đồng.

Nhà cấp 4, diện tích 77m² làm năm 1995, khấu hao giá trị sử dụng chỉ tính trị giá phần lát nền gạch và sửa chữa căn nhà là 35.126.000 đồng, xác định là do Ông Hoàng Văn C lát và sửa chữa.

Nhà vệ sinh trị giá 732.000 đồng; bể nước trị giá 1.912.000 đồng; nhà bếp lợp ngói trị giá 2.947.000 đồng; mái lợp tôn che sân gạch trị giá 9.164.000 đồng; sân lát gạch trị giá 1.597.000 đồng; tường hoa trị giá 1.368.000 đồng; tường bao trị giá 5.252.000 đồng; cổng sắt trị giá 286.000 đồng; cây cối các loại trồng trên diện tích 750m² đất có tổng trị giá 9.865.000 đồng.

Xác định phân giá trị lát nền gạch và sửa chữa nhà cấp 4 là của Ông Hoàng Văn C. Các tài sản khác còn lại nêu trên là của cụ S và cụ H được thừa hưởng và xây dựng nên, có tổng trị giá là 1.533.123.000 đồng. Xác định phân giá trị tài sản của cụ S và cụ H mỗi người 1/2 là 1.533.123.000 đồng : 2 = 766.561.500 đồng.

Phần giá trị tài sản là di sản của cụ Trần Thị H được chia theo pháp luật. Xác định những người được hưởng thừa kế của cụ Hót gồm: Cụ Hoàng Văn S, bà Hoàng Thị H, Bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn T, Bà Hoàng Thị T, Bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị S, Ông Hoàng Quốc S, Bà Hoàng Thị S và Ông Hoàng Văn C, kỷ phần thừa kế mỗi người được hưởng là 766.561.500 đồng : 10 = 76.656.150 đồng.

Bà Hoàng Thị H, Bà Hoàng Thị T, Bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị S, Bà Hoàng Thị S và Ông Hoàng Văn C đều đề nghị cho cụ S phân giá trị tài sản mà các thừa kế trên được hưởng của cụ Hót; Bà Hoàng Thị H đề nghị cho ông Hoàng Văn T giá trị kỷ phần thừa kế bà H được hưởng của cụ H, đây là sự tự nguyện của các thừa kế trên và phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Như vậy, sau khi chia thừa kế thì tài sản của cụ S là 1/2 giá trị khối tài sản chung là 766.561.500 đồng + giá trị kỷ phần tài sản được hưởng thừa kế của cụ Hót là 76.656.150 đồng + kỷ phần thừa kế được bà H, bà T, bà T, bà X, bà S và ông C cho cụ S có trị giá là 459.936.900 đồng. Tổng cộng của cụ S là 1.303.154.550 đồng.

Ngoài ra, Ông Hoàng Văn C còn cho cụ Hoàng Văn S giá trị tài sản là phần sửa chữa nhà, lát gạch đổ nền nhà cấp 4 là 35.126.000 đồng.

Ông Hoàng Văn T được hưởng giá trị kỷ phần thừa kế của cụ Trần Thị H là 76.656.150 đồng và kỷ phần thừa kế của Bà Hoàng Thị H cho ông T giá trị kỷ phần thừa kế bà H được hưởng của cụ H là 76.656.150 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản thừa kế của ông T là 153.312.300 đồng.

Ông Hoàng Quốc S được hưởng giá trị kỷ phần thừa kế của cụ Trần Thị H là 76.656.150 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của các đương sự và chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị H bằng hiện vật. Cụ thể như sau: Chia cho Ông Hoàng Quốc S 37.1m² đất phía giáp phần đất nông nghiệp, có chiều dài 21.52m, chiều rộng là 1.72m. Trên đất có một phần gạch lát lối đi, một phần tường hoa theo gianh giới, diện tích đất được giao và có 01 cây mít, 01 cây ổi (các cạnh thể hiện trong sơ đồ phân chia đất, tài sản là A, B, C, D).

Chia cho ông Hoàng Văn T diện tích đất 71.2m², có chiều dài giáp với đất chia cho ông S là 21.66m, chiều rộng là 3.27m. Trên đất có một phần tường hoa, một phần gạch lát lối cổng đi theo gianh giới, diện tích đất được giao và có 01 cây bưởi (các cạnh thể hiện trong sơ đồ phân chia đất, tài sản là C, D, E, G).

Phần đất lối đi chung có diện tích 21.2m², có chiều rộng phía trong là 3.38m, chạy dài ra phía cổng đi hiện tại, chiều rộng cạnh phía ngoài là 4.10m.

Phần đất còn lại phía trong giao cho cụ Hoàng Văn S là 620.5m². Trên đất có 04 gian nhà cấp 4, nhà bếp, sân gạch, mái tôn lợp sân, phần tường hoa và tường bao, một phần gạch lát lối cổng đi, bể nước, nhà vệ sinh, cây cối theo khuôn viên đất được giao. Chiều dài cạnh đất giao cho cụ S, giáp với đất giao cho ông T có chiều dài 21.93m.

Phần giá trị tài sản trên đất như tường hoa, lối cổng đi lát gạch, tường bao, cây cối trên đất ông T và ông S được giao, phía cụ S không yêu cầu thanh toán, cũng như phần giá trị tài sản chênh lệch giữa diện tích đất được giao và diện tích đất sử dụng làm lối đi chung, đáng lẽ ông T và ông S phải thanh toán cho cụ S nhưng ông T và ông S không phải thanh toán.

[3] Về phần đất nông nghiệp có diện tích 44.8m² do chưa xác định được diện tích đất đó Nhà nước cấp giao cho những người nào trong gia đình cụ S, cụ H; mặt khác, nguyên đơn và các đương sự khác trong vụ án không yêu cầu chia phần đất nông nghiệp nêu trên nên Tòa án không xem xét phần đất này, cùng các tài sản trên phần đất nông nghiệp này gồm 06 cây mít, 02 cây na. Khi có yêu cầu về diện tích đất đó và các tài sản trên đất sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác theo đúng qui định của pháp luật.

[4] Về án phí: Cụ Hoàng Văn S là người cao tuổi được hưởng chế độ trợ cấp của nhà nước, thuộc đối tượng được miễn án phí theo qui định của pháp luật nên miễn toàn bộ phần án phí dân sự đối với phần chia tài sản chung và kỷ phần thừa kế cụ Hoàng Văn S

được hưởng của cụ Trần Thị H. Cụ S phải chịu án phí dân sự đối với giá trị kỷ phần tài sản mà bà H, bà T, bà T, bà S và ông C cho cụ S.

Ông Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự đối với giá trị kỷ phần tài sản được hưởng của ông T và Bà Hoàng Thị H cho ông T, theo qui định của pháp luật.

Ông Hoàng Quốc S phải chịu án phí dân sự đối với giá trị kỷ phần tài sản thừa kế được hưởng theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 609, 611, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 167, 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của cụ Hoàng Văn S về việc chia tài sản thừa kế của cụ Trần Thị H để lại.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Thị H trong khối tài sản chung với cụ Hoàng Văn S gồm có 750m² đất thổ cư, trên đất có nhà bếp, công trình phụ, nhà vệ sinh, bể nước, sân gạch, mái lợp tôn che sân gạch, tường hoa, tường bao, cổng sắt và cây cối các loại trên đất thổ cư có tổng trị giá 1.533.123.000 đồng.

Xác định phần giá trị tài sản của cụ Hoàng Văn S là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung với cụ Trần Thị Hót là 1.533.123.000 đồng : 2 = 766.561.500 đồng.

Xác định phần giá trị tài sản là di sản của cụ Trần Thị H là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung với cụ Hoàng Văn S là 1.533.123.000 đồng : 2 = 766.561.500 đồng.

Chia tài sản là di sản của cụ Trần Thị H để lại theo qui định của pháp luật. Xác định những người được hưởng thừa kế của cụ Hót gồm: Cụ Hoàng Văn S, bà Hoàng Thị H, Bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn T, Bà Hoàng Thị T, Bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị S, Ông Hoàng Quốc S, Bà Hoàng Thị S và Ông Hoàng Văn C. Giá trị tài sản thừa kế theo kỷ phần mỗi người thừa kế được hưởng là 766.561.500 đồng : 10 = 76.656.150 đồng.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị H, Bà Hoàng Thị T, Bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị S, Bà Hoàng Thị S và Ông Hoàng Văn C cho cụ Hoàng Văn S kỷ phần tài sản thừa kế các ông, bà trên được hưởng của cụ Trần Thị H. Như vậy, cụ Hoàng Văn S được hưởng giá trị tài sản $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản chung là 766.561.500 đồng + giá trị kỷ phần tài sản thừa kế được hưởng thừa kế của cụ Hót là 76.656.150 đồng + kỷ phần thừa kế được bà H, bà T, bà T, bà X, bà S và ông C cho có trị giá là 459.936.900 đồng.

Xác định phần sửa chữa nhà, lát gạch đỏ nền nhà cấp 4 có trị giá là 35.126.000 đồng là của Ông Hoàng Văn C. Chấp nhận sự tự nguyện của Ông Hoàng Văn C cho cụ Hoàng Văn S giá trị phần sửa chữa nhà, lát gạch đỏ nền nhà nêu trên.

Tổng cộng của cụ S được chia là 1.338.280.550 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của Bà Hoàng Thị H cho ông Hoàng Văn T ký phần thừa kế bà H được hưởng của cụ Hót là 76.656.150 đồng. Như vậy, ông Hoàng Văn T được hưởng ký phần thừa kế của cụ Trần Thị H là 76.656.150 đồng + ký phần thừa kế của bà H, tổng giá trị tài sản thừa kế của ông T là 153.312.300 đồng.

Ông Hoàng Quốc S được hưởng giá trị ký phần thừa kế của cụ Trần Thị Hót là 76.656.150 đồng.

4. Chấp nhận yêu cầu của các đương sự và chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị H bằng hiện vật. Cụ thể chia như sau:

Giao cho Ông Hoàng Quốc S 37.1m² đất phía giáp phần đất nông nghiệp, có chiều dài 21.52m, chiều rộng là 1.72m trên đất có một phần gạch lát lối đi, một phần tường hoa theo gianh giới, diện tích đất được giao và có 01 cây mít, 01 cây ổi (các cạnh thể hiện trong sơ đồ phân chia đất, tài sản là A, B, C, D).

Giao cho ông Hoàng Văn T diện tích đất 71.2m², có chiều dài giáp với đất chia cho ông S là 21.66m, chiều rộng là 3.27m. Trên đất có một phần tường hoa, một phần gạch lát lối cổng đi theo gianh giới, diện tích đất được giao và có 01 cây bưởi (các cạnh thể hiện trong sơ đồ phân chia đất, tài sản là C, D, E, G).

Phần đất làm lối đi chung giữa các thửa đất được chia có diện tích 21.2m², có chiều rộng phía trong là 3.38m, chạy dài ra phía cổng đi hiện tại, chiều rộng cạnh phía ngoài đường xóm là 4.10m.

Phần đất còn lại phía trong giao cho cụ Hoàng Văn S là 620.5m² trên đất có 04 gian nhà cấp 4, nhà bếp, sân gạch, mái tôn lợp sân, phần tường hoa và tường bao, một phần gạch lát lối cổng đi, bể nước, nhà vệ sinh, cây cối theo khuôn viên đất được giao. Chiều dài cạnh đất giao cho cụ S, giáp với đất giao cho ông T có chiều dài 21.93m.

Giá trị tài sản trên đất như một phần tường hoa, một phần lối cổng đi lát gạch, tường bao, cây cối trên đất ông Hoàng Văn T và Ông Hoàng Quốc S được giao, phía cụ Hoàng Văn S không yêu cầu thanh toán, cũng như phần giá trị tài sản chênh lệch giữa diện tích đất được giao và diện tích đất sử dụng làm lối đi chung, ông Hoàng Văn T và Ông Hoàng Quốc S không phải thanh toán cho cụ Hoàng Văn S.

Về gianh giới phân chia đất cụ thể giữa cụ Hoàng Văn S, ông Hoàng Văn T, Ông Hoàng Quốc S và diện tích đất lối đi chung có sơ đồ kèm theo bản án.

5. Về phần đất nông nghiệp có diện tích 44.8m² và tài sản, cây cối trên đất các đương sự trong vụ án không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Khi có yêu cầu về diện tích đất đó và các tài sản trên đất sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

6. Án phí: Miễn toàn bộ phần án phí dân sự đối với phần giá trị chia tài sản chung và kỷ phần thừa kế cụ Hoàng Văn S được hưởng của cụ Trần Thị H. Cụ Hoàng Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị kỷ phần tài sản mà bà Hoàng Thị H, Bà Hoàng Thị T, Bà Hoàng Thị T, Bà Hoàng Thị S và Ông Hoàng Văn C giao cho cụ Hoàng Văn S là 22.397.000 đồng.

Ông Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.665.000 đồng.

Ông Hoàng Quốc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.832.000 đồng.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các đương sự vắng tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA